

Số: 03 /KH - SNNMT

Hưng Yên, ngày 09 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và Môi trường năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về Thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kế hoạch thực hiện chuyển đổi số năm 2026 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Bám sát các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế của để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, sáng tạo, đột phá, thiết thực và khả thi, đảm bảo triển khai đồng bộ, đạt kết quả cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền hành chính nhà nước 02 cấp;

b) Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thể chế, chính sách số:

Tiếp tục tham mưu, hoàn thiện các chính sách phục chuyển đổi số trong hoạt động của ngành nông nghiệp và môi trường tỉnh Hưng Yên.

b) Phát triển hạ tầng số:

Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của Sở và các đơn vị trực thuộc.

c) Phát triển Chính quyền số:

- 100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.

- 100% văn bản, hồ sơ công việc được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử của các phòng, đơn vị trực thuộc (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống

thông tin báo cáo cấp tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

- Thực hiện xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trong các giao dịch của hoạt động công vụ trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch.

d) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%.

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

đ) Phát triển nền tảng số

- Triển khai các nền tảng số thông minh trong ngành nông nghiệp và môi trường.

- Tiếp tục kết nối, chia sẻ dữ liệu các hệ thống thông tin của ngành với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của quốc gia và của các bộ, ngành Trung ương.

- Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn ngành nông nghiệp và môi trường.

- Cung cấp 100% dữ liệu mở ngành nông nghiệp và môi trường theo kế hoạch của tỉnh đã ban hành. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu đất đai trên nền tảng chung của tỉnh, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên.

Thực hiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng của của ngành; thực hiện chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành qua trục LGSP của tỉnh và NDXP quốc gia.

e) Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.

g) Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng trang thiết bị bảo mật cho các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về An toàn thông tin theo quy định.

- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.

- 100% hệ thống thông tin của các phòng, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

a) Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đến công chức, viên chức, người lao động tại các phòng, đơn vị trực thuộc Sở.

b) Tổng hợp những cách làm điển hình về chuyển đổi số của các phòng, đơn vị trực thuộc để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những mô hình hiệu quả về thực hiện chuyển đổi số.

2. Xây dựng thể chế số

a) Rà soát, hoàn thiện, tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, văn bản của tỉnh theo quy định nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số ngành vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức, bộ máy Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Sở để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành.

3. Hạ tầng kỹ thuật

Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan và các đơn vị trực thuộc: trang thiết bị công nghệ thông tin; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho triển khai ứng dụng các nền tảng số.

4. Dữ liệu số

a) Tiếp tục phát triển, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi

trường cập nhật dữ liệu cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Sở với các cơ quan nhà nước ở Trung ương, tỉnh.

b) Tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa tài liệu, xây dựng dữ liệu dùng chung và tổ chức dữ liệu mở của ngành nông nghiệp và môi trường phục vụ xã hội.

5. Nền tảng số

a) Thực hiện kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu giữa các bộ, ngành Trung ương và Sở thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) phục vụ chuyển đổi số, nhất là trong giải quyết thủ tục hành chính giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước các cấp.

b) Xây dựng, phát triển, thuê dịch vụ các hệ thống nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

c) Triển khai ứng dụng các nền tảng số dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức.

6. Nhân lực số

a) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức; thành viên HTX, tổ hợp tác, trang trại, người sản xuất nông nghiệp và người dân về kiến thức và kỹ năng số cơ bản, chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn các kỹ năng ứng dụng, sử dụng các nền tảng số và an toàn thông tin.

b) Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thống sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử của công chức, viên chức, người lao động.

d) Ứng dụng các nền tảng số đào tạo trực tuyến do các Bộ, các doanh nghiệp số phát triển để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ về chuyên môn, về công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

7. An toàn thông tin mạng

a) Thực hiện xây dựng, triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin do các phòng, đơn vị trực thuộc theo quy định của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP.

b) Đầu tư trang thiết bị bảo mật và thuê dịch vụ an toàn thông tin chuyên nghiệp nhằm bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung cho các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Triển khai các phương án giám sát an toàn thông tin các hệ thống thông tin quan trọng, diễn tập về an toàn thông tin mạng, sao lưu dữ liệu, sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống thông tin sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận

thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

8. Phát triển Chính quyền số

a) Sử dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Trang thông tin điện tử, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

b) Triển khai quyết liệt các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

9. Phát triển Kinh tế số

a) Triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

b) Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng các nền tảng thanh toán trực tuyến để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông sản, phát triển thương mại điện tử, kết nối với doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

c) Hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, hộ kinh doanh thực hiện truy xuất nguồn gốc một bước trước một bước sau.

10. Phát triển Xã hội số

Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về các lợi ích đem lại khi ứng dụng các nền tảng số nông nghiệp và môi trường trong mọi mặt kinh tế - xã hội. Đưa vào đào tạo ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục phổ thông, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên các ứng dụng trực tuyến, chú trọng ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực môi trường.

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các phòng, đơn vị trực thuộc với đa dạng hình thức tuyên truyền.

b) Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho công chức, viên chức và người lao động, tạo điều kiện tiếp

cận các dịch vụ số.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

a) Tiếp tục phối hợp với các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp.

b) Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính quyền số; rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi phù hợp để có thể ứng dụng hiệu quả công nghệ số; rà soát loại bỏ một số thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ khi ứng dụng công nghệ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ mới, các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin (CNTT) trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường.

b) Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số tỉnh, thành phố về cơ chế, chính sách phát triển chính quyền số. Chủ động hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông và CNTT để triển khai hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển công nghệ hiện đại.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm đa dạng hóa nguồn lực để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ CNTT.

5. Giải pháp tổ chức, triển khai

a) Tăng cường hoạt động Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Sở trong công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về chuyển đổi số.

b) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các phòng, đơn vị, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

c) Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống tấn công mạng, ứng cứu sự cố an ninh mạng tại các đơn vị trực thuộc.

d) Tăng cường xây dựng các giải pháp cụ thể để đưa chuyển đổi số đến tay người sản xuất để người sản xuất có thể tự thao tác; đơn giản hoá thao tác để người sản xuất có thể sử dụng được những dịch vụ, nền tảng số lĩnh vực nông nghiệp, môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn thu sự nghiệp, nguồn huy động, đóng góp, tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

V. DANH MỤC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Chi tiết các chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án thực hiện năm 2026 tại các Phụ lục kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các phòng, trực thuộc

a) Người đứng đầu phòng, đơn vị trực thuộc chỉ đạo quyết liệt việc ứng dụng chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ đơn vị mình. Thực hiện sử dụng chữ ký số để ký số đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính, văn bản điện tử; Tăng cường cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP.

b) Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT của đơn vị; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc số tỉnh Hưng Yên.

c) Các đơn vị trực thuộc định kỳ 6 tháng, năm báo cáo Sở kết quả thực hiện về chuyển đổi số.

2. Văn phòng: Tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở (qua Văn phòng) để tổng hợp, hướng dẫn giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và CN (để t/d);
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC

(Signature)
Nguyễn Đức Kiên

Phụ lục 01
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HƯNG YÊN NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên)

TT	Chỉ tiêu thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.	Tiếp tục tham mưu hoàn thiện chính sách phục vụ chuyển đổi số trong ngành Nông nghiệp và Môi trường	Các phòng, đơn vị	- Phòng Kế hoạch -Tài chính - Văn phòng
2.	Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các phòng, đơn vị	Các phòng, đơn vị	- Phòng Kế hoạch -Tài chính - Văn phòng
3.	100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
4.	100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
5.	100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
6.	Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị tại địa bàn tỉnh phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
7.	70% cuộc giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
8.	Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan,	Các phòng, đơn vị	Văn phòng

	đơn vị trên địa bàn tỉnh để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục thủ tục hành chính với cổng Dịch vụ công quốc gia		
9.	100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
10.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
11.	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
12.	- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100% - Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
13.	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100%	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
14.	Cung cấp đầy đủ thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
15.	100% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị trước khi đưa vào sử dụng phải xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
16.	100% các hệ thống thông tin của Sở và các đơn vị trực thuộc được giám sát, cảnh báo về an toàn thông tin.	Các phòng, đơn vị	Văn phòng
17.	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.	- Văn phòng - Các đơn vị trực thuộc	Các phòng, đơn vị liên quan

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ GIAO CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên)

TT	Nhiệm vụ giao tại Kế hoạch này	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.	Phần II, Mục 2, điểm a	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
2.	Phần II, Mục 2, điểm b	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
3.	Phần II, Mục 3, điểm a	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Phòng Kế hoạch – Tài chính
4.	Phần II, Mục 4, điểm a, b	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
5.	Phần II, Mục 5, điểm a, b, c	Các phòng, đơn vị trực thuộc	- Phòng Kế hoạch – Tài chính - Văn phòng
6.	Phần II, Mục 6, điểm a, b, d	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
7.	Phần II, Mục 6, điểm c	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
8.	Phần II, Mục 7, điểm a, b, c	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
9.	Phần II, Mục 8, điểm a	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
10.	Phần II, Mục 8, điểm b	Các phòng, đơn vị trực thuộc	Văn phòng
11.	Phần II, Mục 9, điểm a, b, c	Các phòng, đơn vị trực thuộc	- Phòng Kế hoạch – Tài chính - Văn phòng

Phụ lục 03

TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH HUNG YÊN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên)

TT	Đơn vị thực hiện	Nhiệm vụ triển khai năm 2026
1	Các phòng, đơn vị trực thuộc	1. Duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang được khai thác sử dụng 2. Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu được khai thác sử dụng (máy tính, máy in, thiết bị mạng,...) 3. Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho CBCCVV về kỹ năng số, an toàn thông tin mạng
2	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Tập huấn chuyển đổi số Ngành Nông nghiệp và Môi trường Thuê ứng dụng viễn thám trong thống kê diện tích lúa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
3	Chi cục Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường	Duy trì và phát triển hệ thống thông tin điện tử hy.check.net truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm sản đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
4	Chi cục Kiểm Lâm	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác quản lý, điều hành lĩnh vực lâm nghiệp tại tỉnh Hưng Yên
5	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) và trí tuệ nhân tạo (AI) vào công tác quản lý, điều hành lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật tại tỉnh Hưng Yên
6	Chi cục Thủy lợi	Chuyển đổi số, lắp đặt hệ thống kết nối giám sát công tác Phòng, chống thiên tai với các cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền và 1 số công trình đê điều thủy lợi